

THÔNG BÁO
LỰA CHỌN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ

Căn cứ Luật đấu giá tài sản 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;
Căn cứ Quyết định số 2520/QĐ-TNVN ngày 29/9/2023 của Tổng Giám đốc Đài Tiếng Nói Việt Nam về việc thanh lý tài sản cố định của Kênh VOV Giao thông;
Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 95/2023/CT-ĐV ngày 10/11/2023 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Đất Việt;
Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-VOVGT ngày 13/11/2023 của Giám đốc Kênh VOV Giao thông về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thanh lý tài sản Kênh VOV Giao thông.

Kênh VOV Giao thông thông báo lựa chọn tổ chức bán đấu giá đối với tài sản:

1. Tên tài sản: Lô tài sản cố định thanh lý của Kênh VOV Giao thông (đính kèm danh mục tài sản)
2. Giá khởi điểm tài sản đấu giá: **350.155.000đồng** (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).
3. Các yêu cầu đối với các tổ chức đấu giá tài sản: Theo Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp v/v hướng dẫn lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản, cụ thể:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0

2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không	18,0

	yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0

6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Đã từng tổ chức thành công tài sản cho VOV)	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	<i>Đủ điều kiện</i>
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	<i>Không đủ điều kiện</i>

4. Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tổ chức đấu giá: (Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản).

5. Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Kênh VOV Giao thông, địa chỉ: Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM. Liên hệ Chi: Trang - SĐT: 0971 795 857

Lưu ý: Kênh VOV Giao thông sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đối với Tổ chức đấu giá không được lựa chọn.

Kênh VOV Giao thông thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản đáp ứng đủ yêu cầu được biết và nộp hồ sơ đăng ký theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cổng TT điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (đề đăng tải);
- <https://vovgiaothong.vn>;
- Lưu: VT.



Trang Công Tiền

DANH MỤC TÀI SẢN THANH LÝ CỦA KÊNH VOV GIAO THÔNG

(Kèm theo thông báo số 157/TB-VOVGT ngày 13/11/2023)

➤ Danh sách 1: Công cụ, dụng cụ thanh lý của kênh VOVGT

TT	Danh mục tài sản	Số lượng	Giá trị
1	Ti vi Sam sung	1	202.927
2	Ti vi Sam sung Plasma	1	220.000
3	Máy phát sóng FM	1	880.000
4	Máy tính xách tay Dell	1	118.182
5	Tủ để giấy	1	50.750
6	Phần mềm giám sát Camera giao thông HCM	1	348.000
7	Phần mềm giám sát Camera giao thông HCM	1	174.000
8	Tuyên cấp quang tại tòa BITEXCO 68 tầng	1	3.620.232
9	Bộ chuyển đổi quang điện	1	263.800
10	Bộ định tuyến V2950	1	124.000
11	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
12	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
13	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
14	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
15	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
16	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
17	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
18	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
19	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
20	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
21	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
22	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
23	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
24	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
25	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
26	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS	1	579.876

	IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời		
27	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
28	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
29	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
30	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
31	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
32	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
33	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
34	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
35	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
36	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
37	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
38	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
39	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
40	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
41	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
42	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
43	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
44	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
45	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
46	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
47	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
48	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
49	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876

50	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
51	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
52	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
53	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
54	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
55	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
56	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
57	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
58	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
59	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
60	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
61	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
62	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
63	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
64	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
65	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
66	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
67	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
68	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
69	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
70	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
71	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
72	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
73	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS	1	579.876

	IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời		
74	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
75	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
76	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
77	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
78	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
79	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
80	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
81	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
82	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
83	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
84	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
85	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
86	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
87	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
88	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
89	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
90	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
91	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
92	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
93	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
94	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
95	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
96	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938

97	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
98	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
99	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
100	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
101	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
102	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
103	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
104	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	115.974
105	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
106	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
107	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
108	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
109	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
110	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
111	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
112	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
113	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
114	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
115	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
116	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
117	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
118	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
119	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
120	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS	1	579.876

	IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời		
121	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
122	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
123	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
124	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
125	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
126	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
127	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
128	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
129	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
130	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
131	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
132	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	1.159.752
133	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
134	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
135	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	289.938
136	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
137	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
138	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
139	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
140	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
141	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
142	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
143	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876

144	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
145	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
146	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
147	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
148	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
149	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
150	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
151	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
152	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
153	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
154	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
155	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
156	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
157	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
158	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
159	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
160	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP outdoor điều khiển Zoom ngoài trời	1	579.876
161	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
162	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
163	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
164	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	450.907
165	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	450.907
166	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
167	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS	1	901.813

	IP Pan/Tilt/Zoom outdoor		
168	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
169	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
170	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
171	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP600	1	3.706.780
172	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP600	1	3.706.780
173	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
174	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP500	1	2.652.595
175	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP500	1	2.652.595
176	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP500	1	2.652.595
177	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP500	1	2.652.595
178	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP500	1	2.652.595
179	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP500	1	2.652.595
180	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
181	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
182	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
183	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
184	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
185	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
186	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
187	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
188	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
189	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
190	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669

191	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
192	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
193	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
194	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
195	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
196	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
197	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
198	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
199	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
200	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
201	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
202	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
203	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
204	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
205	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
206	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Core PTP300	1	1.109.669
207	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Canopy PMP Bundle Pack100-52GHz	1	4.774.440
208	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Canopy PMP Bundle Pack25-52GHz	1	7.616.026
209	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Canopy PMP Bundle Pack100-52GHz	1	4.774.440
210	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Canopy PMP Bundle Pack25-52GHz	1	7.616.026
211	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
212	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Canopy PMP Bundle Pack25-52GHz	1	7.616.026
213	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
214	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây:	1	7.616.026

	Canopy PMP Bundle Pack25-52GHz		
215	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
216	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
217	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Máy trạm lưu trữ	1	629.811
218	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
219	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
220	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
221	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
222	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
223	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
224	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
225	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
226	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
227	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
228	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
229	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Máy trạm lưu trữ	1	629.811
230	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
231	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
232	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
233	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
234	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
235	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
236	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
237	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950

238	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
239	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
240	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Cluster Management micro	1	257.950
241	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: Bundle Pack24-52GHz 10Mbps	1	2.679.215
242	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
243	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm server qly HT lưu trữ 24Camera	1	1.224.980
244	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm server qly HT lưu trữ 24Camera	1	1.224.980
245	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm server qly HT lưu trữ 24Camera	1	1.224.980
246	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm server qly HT lưu trữ 24Camera	1	1.224.980
247	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm server qly HT lưu trữ 24Camera	1	1.224.980
248	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm server qly HT lưu trữ 24Camera	1	1.224.980
249	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm server qly HT lưu trữ 24Camera	1	1.224.980
250	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm server qly HT lưu trữ 24Camera	1	1.224.980
251	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm server qly HT lưu trữ 24Camera	1	1.224.980
252	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
253	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Máy trạm lưu trữ	1	629.811
254	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Máy trạm lưu trữ	1	629.811
255	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Máy trạm lưu trữ	1	629.811
256	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall: Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
257	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall:Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI,HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
258	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall:Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI,HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
259	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
260	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor	1	1.347.478

	wall: Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI,HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS		
261	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall: Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
262	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall: Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI,HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
263	TBSX ctr GTHCM- HT hiển thị video monitor wall:Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
264	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall:Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
265	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall: Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
266	TBSX ctr GTHCM-HT hiển thị video monitor wall: Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
267	TBSX ctr GTHCM-HT hiển thị video monitor wall:Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
268	TBSX ctr GTHCM -HT hiển thị video monitor wall:Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
269	TBSX ctr GTHCM- HT hiển thị video monitor wall: Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
270	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây: lắp đặt & cấu hình tại site các trạm và TB thu phát sóng	1	2.323.200
271	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
272	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall:Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
273	TBSX ctr GTHCM -HT hiển thị video monitor wall:Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
274	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall: Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI, HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
275	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall:Màn hình LCD42"-HD/SD-SDI,HDMI analog Input hiển thị các kênh camera GS	1	1.347.478
276	TBSX ctr GTHCM -HT camera GSGT:Phần	1	1.317.910

	mềm quản lý điều khiển IV&C 24 camera		
277	TBSX ctr GTHCM -HT camera GSGT: Phần mềm quản lý điều khiển IV&C 24 camera	1	1.317.910
278	TBSX ctr GTHCM-HT camera GSGT: Phần mềm quản lý điều khiển IV&C 24 camera	1	1.317.910
279	TBSX ctr GTHCM-HT camera GSGT: Phần mềm quản lý điều khiển IV&C 24 camera	1	1.317.910
280	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm quản lý điều khiển IV&C 24 camera	1	1.317.910
281	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
282	TBSX ctr GTHCM-HT camera GSGT: Phần mềm quản lý điều khiển IV&C 24 camera	1	1.317.910
283	TBSX ctr GTHCM- HT camera GSGT: Phần mềm quản lý điều khiển IV&C 24 camera	1	1.317.910
284	TBSX ctr GTHCM- HT camera GSGT: Phần mềm quản lý điều khiển IV&C 24 camera	1	1.317.910
285	TBSX ctr GTHCM-Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
286	TBSX ctr GTHCM-TB phòng thu âm PT trực tiếp: Bộ giao tiếp với HT điện thoại Studer Digital DSP Telephone Hybrid	1	819.643
287	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
288	TBSX ctr GTHCM - TB phòng thu âm PT trực tiếp: Bộ giao tiếp với HT điện thoại Studer Digital DSP Telephone Hybrid	1	819.643
289	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
290	TBSX ctr GTHCM- TB phòng thu âm PT trực tiếp: Bàn đọc ghi băng Tascam MD-350Minidisc	1	585.453
291	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
292	TBSX ctr GTHCM- TB phòng thu âm PT trực tiếp: Bàn đọc ghi băng Tascam MD-350Minidisc	1	585.453
293	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
294	TBSX ctr GTHCM-TB phòng thu âm PT trực tiếp: Bộ đọc ghi kết hợp cho CD & cassette	1	499.290
295	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
296	TBSX ctr GTHCM- TB phòng thu âm PT trực tiếp: Bộ đọc ghi kết hợp cho CD & cassette	1	499.290
297	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
298	HT camera GSGT HCM: hệ thống điều khiển cứng Joystick	1	381.480
299	TBSX ctr GTHCM - TB phòng thu âm PT trực	1	958.020

	tiếp: HT dựng Audio cho các phòng thu		
300	TBSX ctr GTHCM-Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
301	HT camera GSGT HCM: hệ thống điều khiển cứng Joystick	1	381.480
302	HT camera GSGT HCM: Máy tính điều khiển HT camera	1	55.978
303	HT camera GSGT HCM: Máy tính điều khiển HT camera	1	55.978
304	HT camera GSGT HCM: Máy tính điều khiển HT camera	1	55.978
305	HT camera GSGT HCM: Máy tính điều khiển HT camera	1	55.978
306	HT camera GSGT HCM: Máy tính điều khiển HT camera	1	55.978
307	TBSX ctr GTHCM -TB phòng thu âm PT trực tiếp: HT dựng Audio cho các phòng thu	1	958.020
308	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
309	HT camera GSGT HCM: Máy tính điều khiển HT camera	1	55.978
310	HT camera GSGT HCM: Máy tính điều khiển HT camera	1	55.978
311	HT camera GSGT HCM: Máy tính điều khiển HT camera	1	55.978
312	TBSX ctr GTHCM- TB phòng thu âm PT trực tiếp: Máy máy trạm HPxw4600 Workstation lập lịch PS	1	421.470
313	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
314	TBSX ctr GTHCM- TB phòng thu âm PT trực tiếp: Sever cho cơ sở dữ liệu TTPS	1	1.641.780
315	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
316	TBSX ctr GTHCM- TB phòng thu âm PT trực tiếp: HT bàn làm việc chuyên dùng	1	389.400
317	TBSX ctr GTHCM-Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
318	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác: Máy tính VP HPCQ3111L Dual Core E5300 và HPCQ3112L	1	99.750

	Dual CoreE6300		
319	TBSX ctr GTHCM - Thiết bị khác: Máy tính VP HPCQ3111L Dual CoreE5300 và HPCQ3112L Dual CoreE6300	1	99.750
320	TBSX ctr GTHCM-TB phòng thu âm PT trực tiếp: Sever cho cơ sở dữ liệu TTPS	1	1.641.780
321	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
322	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác: Máy tính VP HPCQ3111L Dual CoreE5300 và HPCQ3112L Dual CoreE6300	1	99.750
323	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác: Máy tính VP HPCQ3111L Dual CoreE5300 và HPCQ3112L Dual CoreE6300	1	99.750
324	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác: Máy tính VP HPCQ3111L Dual CoreE5300 và HPCQ3112L Dual CoreE6300	1	99.750
325	TBSX ctr GTHCM-Thiết bị khác: Máy tính VP HPCQ3111L Dual CoreE5300 và HPCQ3112L Dual CoreE6300	1	99.750
326	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác: Máy tính VP HPCQ3111L Dual CoreE5300 và HPCQ3112L Dual CoreE6300	1	99.750
327	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác: Máy tính VP HPCQ3111L Dual CoreE5300 và HPCQ3112L Dual CoreE6300	1	99.750
328	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác: Máy tính VP HPCQ3111L Dual CoreE5300 và HPCQ3112L Dual CoreE6300	1	99.750
329	TBSX ctr GTHCM-HT camera GSGT: Phần mềm qly điều khiển IV&C	1	170.019
330	TBSX ctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm qly điều khiển IV&C	1	170.019
331	TBSX ctr GTHCM- HT camera GSGT:Phần mềm qly điều khiển IV&C	1	170.019
332	TBSX ctr GTHCM-Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
333	TBSXctr GTHCM - HT camera GSGT: Phần mềm qly điều khiển IV&C	1	170.019
334	TBSX ctr GTHCM-HT camera GSGT: Phần mềm qly điều khiển IV&C	1	170.019
335	TBSX ctr GTHCM-HT camera GSGT: Phần mềm qly điều khiển IV&C	1	170.019
336	TBSX ctr GTHCM-HT camera GSGT:Phần mềm qly điều khiển IV&C	1	170.019
337	TBSX ctr GTHCM- HT camera GSGT: Phần mềm qly điều khiển IV&C	1	170.019
338	TBSX ctr GTHCM-Thiết bị khác: HT thiết bị PS	1	1.218.400

	tự động-Dalet51 Audio Pro kit Software license		
339	TBSX ctr GTHCM-Thiết bị khác: HT thiết bị PS tự động- Dalet51 Audio Pro kit Software license	1	1.218.400
340	TBSX ctr GTHCM-Thiết bị khác: HT thiết bị PS tự động- Dalet51 Audio Pro kit Software license	1	1.218.400
341	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
342	TBSX ctr GTHCM- HT camera GSGT:Máy tính điều khiển HT camera GS	1	385.865
343	TBSX ctr GTHCM-HT camera GSGT: Máy tính điều khiển HT camera GS	1	385.865
344	TBSX ctr GTHCM-Thiết bị khác:3 Com Switch 24 10/100/1000T	1	48.563
345	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác: 3 Com Switch 24 10/100/1000T	1	48.563
346	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác: 3 Com Switch 24 10/100/1000T	1	48.563
347	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall: HT giá đỡ màn hình monitor wall	1	1.421.800
348	TBSX ctr GTHCM -Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	450.907
349	TBSX ctr GTHCM- TB phòng thu âm PT trực tiếp: Máy tính cho lập lịch CT và phát sóng máy trạm HPxw4600 Workstation HT phát tự động	1	210.735
350	TBSX ctr GTHCM- TB phòng thu âm PT trực tiếp: Máy tính cho lập lịch CT và phát sóng máy trạm HPxw4600 Workstation HT phát tự động	1	210.735
351	TBSX ctr GTHCM-HT hiển thị video monitor wall: Bàn điều khiển chuyên dùng	1	325.254
352	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT:Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
353	TBSX ctr GTHCM - HT hiển thị video monitor wall: HT cáp nối và phụ kiện lắp đặt	1	659.802
354	TBSX ctr GTHCM-Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
355	TBSX ctr GTHCM-Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
356	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
357	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
358	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
359	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
360	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
361	TBSX ctr GTHCM-Camera GSGT: Camera GS	1	901.813

	IP Pan/Tilt/Zoom outdoor		
362	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
363	TBSX ctr GTHCM- HT chuyển mạch mạng IP- Cisco 24 10/100/1000T 4SFP+IPB Image	1	703.920
364	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	901.813
365	TBSX ctr GTHCM - HT chuyển mạch mạng IP- Cisco 24 10/100/1000T 4SFP+IPB Image	1	351.960
366	TBSX ctr GTHCM- Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	450.907
367	TBSX ctr GTHCM - Thiết bị khác: Bộ lưu điện 10KVA online cho HT màn hình	1	353.540
368	TBSX ctr GTHCM -Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	450.907
369	TBSX ctr GTHCM-Thiết bị khác: Bộ lưu điện 3KVA online cho HT SXCT on-air	1	79.145
370	TBSX ctr GTHCM-Thiết bị khác: Hệ thống lưu trữ trung tâm NAS16TB RAID6	1	1.619.888
371	TBSX ctr GTHCM - Camera GSGT: Camera GS IP Pan/Tilt/Zoom outdoor	1	450.907
372	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác: HT đồng hồ thời gian chuẩn	1	296.285
373	TBSX ctr GTHCM - Thiết bị khác: Bộ chuyển đổi điện quang truyền dẫn tín hiệu từ TTSXCT đến TTPS	1	1.400.300
374	TBSX ctr GTHCM - Thiết bị khác: Bộ làm trễ tín hiệu Audio hỗ trợ cho PS	1	565.345
375	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác:Bộ làm trễ tín hiệu Audio hỗ trợ cho PS	1	1.130.690
376	TBSX ctr GTHCM-Thiết bị khác: HT thiết bị PS tự động- Database Licences: Sybase Adaptive Server Enterprise125 Database server licence	1	505.595
377	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác:Bộ lưu điện 3KVA online cho HT SXCT on-air	1	79.145
378	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác:HT thiết bị PS tự động-Audio boards	1	356.265
379	TBSX ctr GTHCM - Thiết bị khác:HT thiết bị PS tự động- Audio boards	1	356.265
380	TBSX ctr GTHCM - Thiết bị khác: Tủ Rack 27U cho HT lưu trữ và server	1	60.720
381	TBSX ctr GTHCM- Thiết bị khác: Tivi Plasma 42"	1	108.900
382	TBSX ctr GTHCM-Thiết bị khác:HT thiết bị PS tự động-GPI board	1	113.820
383	Trang bị nội thất VP HCM:Tủ cao 2160x420x2200	1	66.000

384	TBSX ctr GTHCM - Thiết bị khác: HT thiết bị PS tự động- GPI board	1	56.910
385	Trang bị nội thất VP HCM: Giường 2000x2200	1	89.650
386	Trang bị nội thất VP HCM: Giường 2000x2200	1	89.650
387	Máy in Fuji Xerox	1	327.273
388	Cáp quang treo số 8 (24 sợi) 10km	1	1.380.000
389	TBSX ctr GTHCM- HT hiển thị video monitor wall: Card màn hình nvidia	1	348.480
390	Tuyển cáp quang tại tòa nhà Hùng Vương	1	1.530.400
391	Tuyển cáp quang tại tòa nhà An Đông Plaza	1	1.243.600
392	Bộ định tuyến Vigor300B	1	159.720
393	Bộ định tuyến Vigor3200B	1	77.000
394	TBSX ctr GTHCM-Chi phí khác: Bộ lưu điện UPS APC SMART 5000VA-230V	1	950.400
395	TBSX ctr GTHCM-Chi phí khác: Bộ lưu điện UPS SUA 3000I APC	1	468.600
396	TBSX ctr GTHCM - Chi phí khác: Bộ lưu điện UPS SUA 3000I APC	1	468.600
397	Bộ Switch 48 cổng cisco 1000	1	198.000
398	Máy tính xách tay Dell Inspiron 5559		376.860
399	Máy tính xách tay HP		201.960
	TỔNG CỘNG		343.644.977

➤ **Danh sách 2: Công cụ, dụng cụ thanh lý của kênh VOVGT**

STT	Đơn vị	Số lượng	Giá trị
1	Ổ cứng di động/USB kingmax8GBMA	2	6.900
2	Bếp hồng ngoại	1	35.700
3	Ghế xoay	1	50.600
4	Đệm giường Happy Gold	1	-
5	Máy in Canon LBP 251DW	1	-
6	Máy in Canon LBP 2900	1	-
7	Máy giặt Panasonic	1	83.000
8	Tủ đựng tài liệu	1	88.275
9	Trang bị nội thất VP HCM: Bàn góc 400x400x450	1	19.800
10	Trang bị nội thất VP HCM: Bàn họp nhỏ sơn tĩnh điện kính dày 10mm,700x1200x750	1	79.200
11	Trang bị nội thất VP HCM: Tủ nhỏ 500x400x750	4	96.800
12	Trang bị nội thất VP HCM: Tủ nhỏ 800x600x750	1	67.760
13	Trang bị nội thất VP HCM:Tủ cá nhân,bàn GD 450x1260x680	1	34.100
14	Trang bị nội thất VP HCM: Tủ nhỏ600x400x750	1	14.300
15	Trang bị nội thất VP HCM: Kệ tủ tivi 1200x600x800	2	176.000

16	TBSX ctr GTHCM- TB phòng thu âm PT trực tiếp: Microphone cầm tay Sennheiser835	2	78.056
17	TBSX ctr GTHCM- TB phòng thu âm PT trực tiếp:Head phone roland RH200 Monitor	8	379.192
18	TBSX ctr GTHCM - HT truyền dẫn không dây:Surge CanopyPMP/PTP and PTP 300/500/600	66	1.987.788
19	TBSX ctr GTHCM-HT truyền dẫn không dây:Bundle Pack100 Universal Ethernet Surge	324	3.286.008
20	TBSX ctr GTHCM - Thiết bị khác: HT thiết bị PS tự động-Licence Dongle Key For Dalet51 Software	3	26.400
	Cộng:		6.509.879

➤ **Tổng hợp giá trị tài sản:**

STT	Tên danh mục	Số lượng	Giá trị
1	Danh sách Tài sản cố định thanh lý của kênh VOVG	399	343.644.977
2	Danh sách Công cụ, dụng cụ thanh lý của kênh VOVG	20	6.509.879
TỔNG CỘNG			350.154.856
TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN SỐ)			350.155.000
Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng			